UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 1122 /QĐ-SNNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia lai, ngày 09 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giao bổ sung Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG GIA LAI

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 5/10/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách, kinh phí và bổ sung kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-SNNMT ngày 6/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ cho Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

- Ngân sách cấp bổ sung dự toán: -716.215.500 đồng
- Sử dụng từ nguồn CCTL để lại tại đơn vị; nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác: 716.215.500 đồng.

(Chi tiết theo các mẫu biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính Sở, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN KV XV;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Văn phòng ĐKĐĐ;
- Phòng TCCB Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Dung).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH GIA LAI

Cao Thanh Thương

Số: 1122/QĐ-SNNMT
Thời gian ký: 09/10/2025 07:56:35 +07:00

Sở Nông nghiệp và Môi trường Gia Lai **Mẫu 49**
Chương: 412

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Tổng số	Sử dụng từ nguồn CCTL để lại tại đơn vị; nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác	Dự toán ngân sách cấp	Đơn vị sử dụng ngân sách
						Văn phòng Đăng ký đất đai
	ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		**0**	**716.215.500**	**-716.215.500**	**-716.215.500**
	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280- Khoản 332)		**0**	**716.215.500**	**-716.215.500**	**-716.215.500**
1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**		**0**			
2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**		**0**	**716.215.500**	**-716.215.500**	**-716.215.500**
	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ	23	**0**	716.215.500	-716.215.500	-716.215.500
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước					**1084456**
	Mã hiệu Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch					**2011**

Sở Nông nghiệp và Môi trường Gia Lai **Mẫu 48**

Chương: 412

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Văn phòng Đăng ký đất đai - MSSDNS: 1084456

Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày /10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Trong đó		Ghi chú
				Dự toán kinh phí ngân sách cấp năm 2025	Sử dụng từ nguồn CCTL để lại tại đơn vị; nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác	
	ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		**0**	**-716.215.500**	**716.215.500**	
1	**Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280- Khoản 332)**		**0**	**-716.215.500**	**716.215.500**	
1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**		**0**	**0**	**0**	
1.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**		**0**	**-716.215.500**	**716.215.500**	
	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ	23	0	-716.215.500	716.215.500	